

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hữu Đức

2. Bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Thanh H, sinh năm 1973

Cư trú: Số 54/14, khóm D, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976

Cư trú: Số 54/14, khóm D, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa ông H và bà H1 đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lý Thanh H trình bày:

Ông H và bà Nguyễn Thị H1 do quen biết nhau từ trước rồi thương yêu mới tiến tới hôn nhân vào năm 2002 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố X, tỉnh An Giang vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau không còn hạnh phúc nữa, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, những bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H1 cờ bạc gây nợ nần, ông H nhiều lần trả nợ, nhiều lần bị chủ nợ chửi bới, danh dự của ông bị chà đạp. Ông đã nhiều lần bỏ qua nhưng bà H1 không chịu sửa chữa. Ông đã vì gia đình, vì con chung, rất nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng, mong muốn vợ chồng hòa hợp cùng nhau chăm lo và xây dựng gia đình đầm ấm nhưng không được. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Ông không thể tiếp tục chung sống với bà H1. Những lỗi lầm bà H1 gây ra ông không thể tha thứ được. Mâu thuẫn giữa ông bà đã quá trầm trọng, ông và bà H1 không còn tình cảm gì với nhau nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ông được trả tự do. Bà H1 sống rất vô trách nhiệm với chồng với con, gây nợ nần làm xấu mặt chồng con, ghen tuông vô cớ. Ông yêu cầu cho ông ly hôn bà H1.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Lý Thị Mỹ D1, sinh năm 2001 hiện nay đang đi làm công nhân ở Bình Dương, còn cháu nhỏ là Lý Thị Mỹ Q sinh ngày 25 tháng 7 năm 2008, hiện nay do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Q, không yêu cầu bà H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Quá trình chung sống và có con chung như ông H trình bày. Việc bà gây nợ do cờ bạc thì bà đã sửa chữa được. Nhưng ông H lại đi ngoại tình bị bà bắt gặp. Mặc dù vậy, bà H1 vẫn tha thứ cho ông H để cùng chung sống vì con. Bà vẫn còn tình nghĩa vợ chồng nên bà cố gắng sống được.

Từ trước tới giờ ông H vẫn hay chửi bới bà. Khi ông H có người phụ nữ khác thì cũng về chửi bới bà. Sau khi Tòa án mời hòa giải vẫn chửi bới xúc phạm bà. Ông H sống không có trách nhiệm với vợ con. Đi sớm về khuya, cặp bồ cặp bịch.

Bà đã biết cái sai của bà, bà sẽ tự sửa chữa, nhưng ông H không cho bà cơ hội để làm. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho đoàn tụ, bà không muốn ly hôn, để bà tiếp tục sống trong gia đình, bà và ông H sống chung nhà, chuyện ai nấy làm không ảnh hưởng đến nhau, bà tự làm tự nuôi bản thân không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của ông H, ông H muốn làm gì thì làm, đi đâu thì đi đúng 10 giờ tối phải về nhà, phải nuôi con.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì cháu Q, bà H1 đồng ý giao cho ông H nuôi, bà không cấp dưỡng. Con muốn ở với ai thì ở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết muốn ly hôn với bà H1.
- Bà H1 giữ nguyên ý kiến, mong muốn được đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông H và bà H1 có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bà H1 chơi cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo gia đình. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn gia đình nhưng không được. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H khởi kiện ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hhoa giải nhưng ông H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H1 không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình; mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của ông H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Lý Thị Mỹ D1 sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét. Cháu Lý Thị Mỹ Q đang sống cùng ông H và có nguyện vọng sống với ông H. Nhằm để đảm bảo ổn định về tinh thần và quyền lợi mọi mặt cho con chung theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do ông H không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn có đăng ký kết hôn; ông H khởi kiện bà H1 là người

hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X và yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ về ý kiến của con chung chưa thành niên, tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H1 tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào năm 2002. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía. Nhưng ông H cho rằng vợ chồng ông mâu thuẫn trầm trọng xuất phát từ việc vợ ông cờ bạc gây nợ nần, khiến chủ nợ đòi nợ, chà đạp danh dự của ông, vợ chồng ông không có tiếng nói chung, bất đồng trong gia đình thường xuyên xảy ra, vợ chồng không còn tình cảm, ông kiên quyết xin ly hôn. Còn bà H1 cũng xác định cuộc sống vợ không hạnh phúc thể hiện qua việc bà cho rằng ông H có người phụ nữ khác, sống không có trách nhiệm với vợ con, thường chửi bới xúc phạm bà. Mặt khác, bà H1 mong muốn đoàn tụ nhưng lại xác định đoàn tụ thì bà và ông H sẽ sống chung nhà, nhưng chuyện ai nấy làm, không ảnh hưởng đến nhau. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của ông H và bà H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình, cùng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông H và bà H1 xác định ông bà có hai con chung là cháu Lý Thị Mỹ D1, sinh năm 2001 đã trưởng thành đang làm công nhân, còn cháu nhỏ là Lý Thị Mỹ Q sinh ngày 25 tháng 7 năm 2008, hiện nay do ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông H và bà H1 đều đồng ý giao cháu Q cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Hiện nay cháu Q đang sinh sống cùng ông H, bà H1 và cháu có ý kiến mong muốn được tiếp tục sống cùng với ông H sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H giao cháu Q cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn đối với cháu D1 đã thành niên và đã có việc làm nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3] Về việc cấp dưỡng cho con chung: Ông H và bà H1 đều thống nhất bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng ghi nhận sự thỏa thuận của ông, bà.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lý Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung:

Ông Lý Thanh H và bà Nguyễn Thị H1 có 02 (hai) con chung là cháu Lý Thị Mỹ D1, sinh năm 2001 và cháu Lý Thị Mỹ Q sinh ngày 25 tháng 7 năm 2008

Ông Lý Thanh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Lý Thị Mỹ Q. Ông Lý Thanh H và thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Thị Mỹ Q.

Bà Nguyễn Thị H1 không phải cấp dưỡng cho cháu Lý Thị Mỹ Q.

Cháu Lý Thị Mỹ D1 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Lý Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0007499 ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. B, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang